

S : 113/2020/Q. ST-HNG

*Hà Trung, ngày 16 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LÝ HÔN VÀ SỰ THẢ THUẬN  
CÁI CÁC NGƯỜI**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 164/2020/TLST-HNG ngày 22 tháng 10 năm 2020, ghi rõ:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh T.

Bản thân: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào các điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 6; khoản 7, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/11/2020.

**XÉT THẤY:**

Vì công nhận tình lý hôn nhân và thỏa thuận của các đương sự có ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Ảnh hưởng từ ngày 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có thể như sau:

**Vấn đề chung:** Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H thỏa thuận về việc có con chung, các cháu tên là Ông Nguyễn Văn Trà G, sinh ngày 20/02/2010, cháu Ông Hùng V, sinh ngày 19/6/2014, cháu Ông Nguyễn Văn Kim T, sinh ngày 17/3/2017 và cháu Ông Nguyễn Văn B C, sinh ngày 31/3/2020. Ông T và ông H thỏa thuận, ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và cháu C, ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T, không ai

phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Ch T, anh H có quyền nuôi con chung, không ai có quyền nuôi con chung. Ch T, anh H không có lợi ích gì vì con chung không có quyền học tập, sinh hoạt, vui chơi, nghỉ ngơi, giáo dục con chung.

**Vấn đề:** Ch T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Vấn đề:** Ch T và anh H thỏa thuận, Ch T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự thẩm vấn hôn nhân là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhúng vào sổ tiết kiệm án phí dân sự thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) Ch T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009215 ngày 22/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Trích cho Ch T 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tiết kiệm án phí dân sự thẩm miễn phí.

3. Quy định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trên đây là quy định thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nghị thi hành án dân sự, nghị phê thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nội dung:**

- Các ông;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thể hiện vì công ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TH M PHÁN**

**Tranh Thanh H**